



## THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Công Hùng

Trung tâm GDQP & AN, Đại học Huế, 161 Nguyễn Khoa Văn, Phú Bài, Huế

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Công Hùng <hungcongnguyen113@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 29-08-2025; Ngày chấp nhận đăng: 03-10-2025)

**Tóm tắt.** Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên là một trong những nội dung đang được Đại học Huế quan tâm và đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Để làm rõ vấn đề này, nghiên cứu đã tiến hành lấy ý kiến của 100 cán bộ quản lý, giảng viên và 500 sinh viên trong Đại học Huế. Kết quả khảo sát cho thấy công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên đã được chú trọng, nội dung được cập nhật kịp thời với hình thức tổ chức đa dạng, linh hoạt. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như yêu cầu về điều kiện chưa thật sự đảm bảo,... Kết quả nghiên cứu trên là cơ sở để các nhà trường có thể đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

**Từ khóa:** Cán bộ quản lý, giảng viên, giáo dục chính trị tư tưởng, sinh viên

## CURRENT SITUATION OF POLITICAL AND IDEOLOGICAL EDUCATION FOR STUDENTS AT HUE UNIVERSITY

Nguyen Cong Hung

Center for National Defense and Security Education, Hue University,  
161 Nguyen Khoa Van, Phu Bai, Hue, Vietnam

\*Correspondence to Nguyễn Công Hùng <hungcongnguyen113@gmail.com>

(Received: August 29, 2025; Accepted: October 03, 2025)

---

**Abstract.** Political and ideological education for students is a key focus of Hue University and has achieved several positive outcomes. However, certain limitations remain. To clarify these issues, the study collected opinions from 100 administrators, lecturers, and 500 students at Hue University. The findings reveal that political and ideological education has been given significant attention, with promptly updated content and diverse, flexible organizational forms. Nevertheless, shortcomings persist, particularly in the variety and effectiveness of teaching methods. These results provide a basis for proposing measures to enhance the effectiveness of political and ideological education for students, thereby meeting the requirements of educational innovation in the current context.

**Keywords:** educational administrators, lecturers, political and ideological education, students

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện nay các thế lực thù địch vẫn ráo riết chống phá cách mạng Việt Nam bằng chiến lược “Diễn biến hoà bình”, nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chuyển hoá cách mạng nước ta đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa và từng bước lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc. Các hành động xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta vẫn tiếp diễn dưới nhiều hình thức, âm mưu và với các thủ đoạn hết sức tinh vi. Chính vì vậy, việc đẩy mạnh hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng (GD CTTT) cho sinh viên (SV) trở thành nhiệm vụ cấp thiết trong công tác giáo dục hiện nay.

Bên cạnh những thành tựu quan trọng như tình hình chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng cao, vị thế quốc tế được nâng cao, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng, chống tham nhũng đạt kết quả tích cực thì đất nước vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, các vụ án tham nhũng lớn và những yếu tố nhạy cảm khác để chống phá Nhà nước. Đặc biệt, tình trạng “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả những người giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả cấp cao, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống” trở thành nguy cơ hiện hữu, đe dọa sự tồn vong của chế độ như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra [7]. Những yếu tố này ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức và tư tưởng của SV, đặt ra yêu cầu cấp bách đối với công tác GD CTTT trong giai đoạn hiện nay.

SV là lực lượng đông đảo, tiên phong trong các phong trào và luôn đi đầu trong mọi hoạt động nhằm góp phần hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, chính vì vậy SV cần được giáo dục rèn luyện thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức toàn diện, trong đó công tác GD CTTT cho SV luôn được quan tâm và đặt lên hàng đầu.

Công tác GD CTTT cho SV luôn được Đảng, Nhà nước và Chính phủ quan tâm và ban hành nhiều văn bản quan trọng như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng chỉ rõ “Làm tốt công tác GD CTTT, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống, tạo điều kiện học tập, phát triển thể lực, trí tuệ cho thế hệ trẻ; khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi

đưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại; hình thành một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc” [6]. Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 5/3/2022 Phê duyệt chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022-2030”. Chương trình này nhằm tăng cường công tác GD CTMT cho thanh thiếu niên trong môi trường số [9]. Nghị quyết số 35-NQ/TW năm 2018 của Bộ Chính trị về việc tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới [1]. Công văn số 4654/BGDĐT-GDCTHSSV của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 23/8/2024 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh, SV năm học 2024-2025 [2].

Nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã khẳng định vai trò và tầm quan trọng của GD CTMT cho SV, như đề tài của Nguyễn Tuấn Dũng về “*Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị trong quân đội thời kỳ mới*” [5]; nghiên cứu của Chu Mạnh Cường về “*Các biện pháp quản lý nhằm tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức cho SV Trường Cao đẳng Kinh tế Thái Nguyên*” [3]; Phạm Đình Khuê với bài viết “*Nâng cao ý thức chính trị của SV Việt Nam hiện nay*” [8]; Nguyễn Ngọc Diệp với bài viết “*Nâng cao nhận thức chính trị cho SV: góc nhìn từ vai trò của nhà trường và xã hội*” [4]; hay bài viết của An Thị Ngọc Trinh với tiêu đề “*Giáo dục ý thức chính trị cho SV – góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay*” [10]... Như vậy có thể thấy những công trình khoa học trên đã nêu lên được vai trò và tầm quan trọng của công tác GD CTMT cho SV trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, công tác GD CTMT cho SV Đại học Huế vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định, chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan từ bối cảnh chính trị, xã hội, cũng như điều kiện tổ chức và triển khai của các trường trong Đại học Huế. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu toàn diện, khách quan và khoa học. Do đó, bài viết này nhằm đánh giá thực trạng và cung cấp cơ sở thực tiễn để các nhà trường đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng GD CTMT cho SV trong thời gian tới.

## 2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu*: Sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi đối với CBQL, GV và SV đang làm việc, giảng dạy và học tập tại Đại học Huế. Mẫu khách thể khảo sát gồm 100 cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV) và 500 SV của 5 khóa học tại Trung tâm GDQP&AN ĐHH (khóa 240, khóa 241, khóa 242, khóa 243, khóa 244) là sinh viên thuộc các trường Đại học Luật, trường Đại học Kinh Tế, trường Đại học Sư Phạm, trường Đại học Ngoại Ngữ, và trường Đại học Khoa Học của Đại học Huế.

Khảo sát được thực hiện từ tháng 06 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024. Phiếu khảo sát gồm 5 câu hỏi liên quan đến 5 nội dung cơ bản của công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV,

được thiết kế theo thang Likert 5 mức độ tương ứng với thang điểm từ 1-5. Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 theo 2 thông số: Hệ số trung bình ( $\bar{X}$ ) và độ lệch chuẩn (SD). Thang đánh giá theo điểm trung bình được quy ước như sau:

1,00-1,8 điểm: Hoàn toàn không quan trọng/Hoàn toàn không phù hợp/Không thực hiện;

1,81-2,6 điểm: Không quan trọng/Không phù hợp/Ít thường xuyên;

2,61- 3,40 điểm: Tương đối quan trọng/Tương đối phù hợp/Thỉnh thoảng;

3,41-4,20 điểm: Quan trọng/Phù hợp/Thường xuyên;

4,21-5,0 điểm: Rất quan trọng/Rất phù hợp/Rất thường xuyên.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên

Hiện nay, công tác GD CTTT cho SV luôn được Đại Học Huế hết sức quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi nhất để trang bị cho SV những kiến thức cơ bản nhất từ đó vận dụng được các kiến thức giải quyết các vấn đề trong học tập, trong các mối quan hệ với người khác và các vấn đề của cuộc sống hằng ngày. Góp phần đào tạo ra các thế hệ SV toàn diện về đức, trí, thể, mỹ. Mặt khác thông qua GD CTTT cho SV có thêm những nhận thức lý luận đúng đắn, có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định với mục tiêu xã hội chủ nghĩa, quán triệt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước.

**Bảng 1.** Đánh giá của CBQL, GV, SV về vai trò và tầm quan trọng của công tác GD CTTT cho SV

| STT | Vai trò và tầm quan trọng  | CBQL, GV  |      | SV        |      |
|-----|--|-----------|------|-----------|------|
|     |  | $\bar{X}$ | (SD) | $\bar{X}$ | (SD) |
| 1   | Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản và cần thiết về lý luận chính trị, tư tưởng   | 4,45      | 0,56 | 4,54      | 0,59 |
| 2   | Củng cố nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ lý luận cho SV  | 4,08      | 0,83 | 4,43      | 0,67 |
| 3   | Trang bị hệ thống kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ mà nhà trường giao phó  | 4,30      | 0,73 | 4,49      | 0,67 |
| 4   | Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức lý luận Mác – Lê nin, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước và thực tiễn ngành học của mình | 4,12      | 0,80 | 4,42      | 0,71 |

|                         |   |      |      |      |      |
|-------------------------|---|------|------|------|------|
| 5                       | Góp phần củng cố niềm tin của SV vào chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh | 4,10 | 0,84 | 4,62 | 0,62 |
| 6                       | Kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội                          | 4,01 | 0,87 | 4,39 | 0,76 |
| 7                       | Nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức của SV   | 3,92 | 0,82 | 4,26 | 0,78 |
| <b>ĐTB và ĐLC chung</b> |   | 4,14 | 0,78 | 4,45 | 0,69 |

Ghi chú:  $1 \leq \bar{X} \leq 5$ ;  $\bar{X}$  (Hệ số trung bình); (SD) (Độ lệch chuẩn); 1. Hoàn toàn không quan trọng; 2. Không quan trọng; 3. Tương đối quan trọng; 4. Quan trọng; 5. Rất quan trọng

Kết quả khảo sát Bảng 1 cho thấy CBQL, GV và SV đều đánh giá cao vai trò, tầm quan trọng của công tác GD CTĐT tại Đại học Huế. Điểm trung bình chung đạt ở mức cao (ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,14 và ĐTB<sub>SV</sub> = 4,45), với ĐLC (SD) tương đối thấp, chứng tỏ mức độ đồng thuận cao giữa các nhóm đối tượng khảo sát. Điều này khẳng định rằng công tác GD CTĐT đã được quan tâm và có tác động tích cực đến quá trình hình thành phẩm chất, năng lực, bản lĩnh chính trị của SV.

Trong đó, nội dung “Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản và cần thiết về lý luận chính trị, tư tưởng” được CBQL và GV đánh giá cao nhất, với ĐTB=4,45 và SV đánh giá ở mức ĐTB=4,54. Tiếp đến là nội dung “Trang bị hệ thống kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính mà nhà trường giao phó” với ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> =4,30 và ĐTB<sub>SV</sub>= 4,49. Ngoài ra, nội dung “Củng cố niềm tin của SV vào chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” cũng được đánh giá rất cao, đặc biệt từ phía SV với ĐTB=4,62.

Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến “Nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức của SV” được SV đánh giá mức “Quan trọng” với ĐTB=3,92, trong khi đó CBQL, GV đánh giá mức Rất quan trọng với ĐTB=4,26. Nội dung “Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” được CBQL, GV đánh giá mức Quan trọng với ĐTB = 4,01 nhưng SV đánh giá mức Rất quan trọng với ĐTB= 4,39. Từ kết quả này cho thấy mặc dù công tác GD CTĐT đã được chú trọng, song cách thức triển khai tại Đại học Huế vẫn cần tiếp tục đổi mới, khoa học và hiệu quả hơn nhằm nâng cao toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ và bản lĩnh chính trị cho SV.

Ngoài ra, so sánh giữa hai nhóm đối tượng khảo sát cho thấy SV thường có mức đánh giá cao hơn so với CBQL và GV, chứng tỏ SV trực tiếp cảm nhận rõ hơn tác động tích cực từ công tác GD CTĐT. Kết quả khảo sát đã chỉ ra rằng công tác GD CTĐT tại Đại học Huế giữ vai trò và tầm quan trọng trong việc hình thành bản lĩnh chính trị, nâng cao năng lực, phẩm chất cho SV. Tuy nhiên, sự khác biệt về mức độ đánh giá giữa các nội dung cũng gợi mở yêu cầu cần đổi mới nội dung, phương pháp triển khai nhằm vừa củng cố kiến thức lý luận, vừa nâng cao tính thực tiễn, góp phần xây dựng đội ngũ SV có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục hiện nay.

### 3.2. Thực trạng về nội dung, chương trình công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên Đại học Huế

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV Đại học Huế đã được quan tâm triển khai dưới nhiều góc độ. Tuy nhiên, một trong các yếu tố trọng tâm mang lại hiệu quả cho công tác này chính là nội dung, chương trình. Nội dung, chương trình là một trong các nhân tố cốt lõi để lựa chọn triển khai trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV. Để làm rõ mức độ phù hợp của nội dung, chương trình chúng tôi đã khảo sát ý kiến đánh giá của CBQL, GV và SV của Đại học Huế kết quả được thể hiện qua Bảng 2.

**Bảng 2.** Đánh giá của CBQL, GV và SV về nội dung, chương trình công tác GD CTTT cho SV

| STT                     | Nội dung, chương trình giáo dục CTTT  | CBQL, GV  |      | SV        |      |
|-------------------------|---|-----------|------|-----------|------|
|                         |   | $\bar{X}$ | (SD) | $\bar{X}$ | (SD) |
| 1                       | Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh  | 4,43      | 0,57 | 4,52      | 0,58 |
| 2                       | Những vấn đề cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam và lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam  | 4,08      | 0,81 | 4,41      | 0,77 |
| 3                       | Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng | 4,31      | 0,73 | 4,48      | 0,67 |
| 4                       | Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia   | 4,12      | 0,80 | 4,42      | 0,71 |
| 5                       | Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo   | 4,10      | 0,84 | 4,40      | 0,62 |
| 6                       | Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam                            | 4,01      | 0,86 | 4,39      | 0,78 |
| 7                       | Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia  | 3,91      | 0,81 | 4,27      | 0,76 |
| <b>ĐTB và DLC chung</b> |   | 4,13      | 0,77 | 4,41      | 0,70 |

Ghi chú:  $1 \leq \bar{X} \leq 5$ ;  $\bar{X}$  (Hệ số trung bình); (SD) (Độ lệch chuẩn); 1. Hoàn toàn không phù hợp; 2. Không phù hợp; 3. Tương đối phù hợp; 4. Phù hợp; 5. Rất phù hợp

Về nội dung, chương trình GD CTTT cho SV Đại học Huế được đánh giá ở mức phù hợp và rất phù hợp, với  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}} = 4,13$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 4,41$ , độ lệch chuẩn lần lượt là (0,77) và (0,70). Các số liệu này phản ánh rằng nội dung GD CTTT đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng SV trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, SV có xu hướng đánh giá cao hơn so với CBQL, GV, cho thấy mức độ hài lòng và tính thiết thực mà SV cảm nhận được từ các nội dung học tập.

Trong các nội dung khảo sát, SV có xu hướng đánh giá cao hơn CBQL và GV. Trong đó có 02 nội dung sự đánh giá khá nhất quán ở mức Rất phù hợp, đó là: “*Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*” ( $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}} = 4,43$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 4,52$ ); “*Đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng*” ( $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}} = 4,31$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 4,48$ ).

Một số nội dung được CBQL và GV đánh giá mức Phù hợp nhưng SV đánh giá mức Rất phù hợp như: “*Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia*” ( $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}} = 4,12$ ,  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 4,42$ ); nội dung “*Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo*” ( $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}} = 4,10$ ;  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 4,40$ ); nội dung về “*Phòng, chống chiến lược ‘Diễn biến hòa bình’ của các thế lực thù địch*” được CBQL, GV với  $\text{ĐTB} = 4,01$  nhưng SV đánh giá với  $\text{ĐTB} = 4,39$ ... Điều này cho thấy các nội dung mang tính nền tảng lý luận gắn với thực tiễn bảo vệ Tổ quốc và các vấn đề chính trị – xã hội được CBQL, GV và SV quan tâm đặc biệt.

Tuy nhiên, nội dung “*Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia*” lại được đánh giá thấp nhất với  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}} = 3,91$ . Với kết quả này đã cho thấy cách thức triển khai nội dung này chưa thật sự hấp dẫn, còn thiếu tính thực tiễn và khả năng thuyết phục so với các nội dung khác.

Các kết quả khảo sát đã cho thấy về cơ bản các nội dung, chương trình GD CTTT cho SV Đại học Huế được triển khai tương đối toàn diện, liên quan trực tiếp đến các nội dung của công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên đáp ứng được cả yêu cầu đặc thù về sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn trong GD CTTT hiện nay cho SV.

### 3.3. Thực trạng về hình thức tổ chức công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên Đại học Huế

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV là một trong các hoạt động đặc thù, tính đặc thù không chỉ thể hiện rõ trong từng nội dung giáo dục liên quan trực tiếp đến các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực tế cho thấy các nội dung này thường khô khan mang tính vĩ mô, liên quan trực tiếp đến các vấn đề chính trị.

**Bảng 3.** Đánh giá của CBQL, GV và SV về hình thức tổ chức của công tác GD CTTT cho SV

| STT | Hình thức tổ chức  | CBQL, GV  |      | SV        |      |
|-----|--|-----------|------|-----------|------|
|     |  | $\bar{X}$ | (SD) | $\bar{X}$ | (SD) |
| 1   | GD CTTT thông qua hoạt động chính trị, xã hội, nhân đạo, từ thiện cho SV   | 4,29      | 0,75 | 4,37      | 0,97 |
| 2   | GD CTTT thông qua các buổi nói chuyện thời sự, thuyết trình, các hội thảo cho SV                                     | 4,23      | 1,11 | 4,08      | 0,87 |
| 3   | GD CTTT thông qua cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, giáo dục quốc phòng, an toàn giao thông, ma túy, mại dâm... cho SV | 4,03      | 0,98 | 3,99      | 0,92 |

|                         |   |      |      |      |      |
|-------------------------|---|------|------|------|------|
| 4                       | GD CTTT đối thoại với SV, thực hiện quy chế dân chủ của Đại học Huế | 3,96 | 1,21 | 4,01 | 0,84 |
| 5                       | GD CTTT thông qua sinh hoạt đội, nhóm, tập thể...                   | 4,06 | 0,87 | 4,05 | 0,89 |
| <b>ĐTB và ĐLC chung</b> |   | 4,11 | 0,97 | 4,10 | 0,90 |

Ghi chú:  $1 \leq \bar{X} \leq 5$ ;  $\bar{X}$ : (Hệ số trung bình); (SD) (Độ lệch chuẩn); 1. Hoàn toàn không thường xuyên; 2. Không thường xuyên; 3. Tương đối thường xuyên; 4. Thường Xuyên; 5. Rất Thường xuyên

Chính vì vậy, trong quá trình triển khai để mang lại hiệu quả, bám sát với thực tế và phù hợp với đặc thù của sinh viên thì một trong các yếu tố trọng tâm là vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức. Đánh giá của CBQL, GV và SV ở mức độ thường xuyên trong tổ chức các hình thức GD CTTT cho SV được thực hiện qua kết quả biểu thị tại Bảng 3.

Công tác GD CTTT cho SV Đại học Huế được tổ chức tương đối nghiêm túc, thường xuyên và đều đặn. Tất cả 5 nội dung khảo sát về hình thức giáo dục CTTT đều được đánh giá thực hiện ở mức Thường xuyên và Rất thường xuyên với ĐTB của CBQL, GV là 4,11 và ĐTB chung của SV 4,10, phản ánh mức độ đồng thuận khá cao giữa các nhóm đối tượng khảo sát. Nhìn chung, các hình thức tổ chức đều được đánh giá ở mức thường xuyên, phù hợp với đặc thù môi trường đại học và đáp ứng được nhu cầu GD CTTT cho SV.

Trong đó, hình thức “GD CTTT thông qua hoạt động chính trị, xã hội, nhân đạo, từ thiện cho SV” được đánh giá cao nhất đều ở mức rất thường xuyên, với ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,29 và ĐTB<sub>SV</sub> = 4,37. Đây là hình thức giàu tính thực tiễn, tạo môi trường để SV trải nghiệm, đồng thời rèn luyện kỹ năng, phẩm chất và nhân cách.

Một số hình thức khác cũng được đánh giá nhất quán ở mức Thường xuyên như hình thức “GD CTTT thông qua các buổi nói chuyện thời sự, thuyết trình, các hội thảo cho SV” (ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,23 và ĐTB<sub>SV</sub> = 4,08); hình thức “GD CTTT thông qua sinh hoạt đội, nhóm, tập thể...” (ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,06 và ĐTB<sub>SV</sub> = 4,05). Cả hai hình thức này được đánh giá ở mức khá cao, bởi chúng giúp SV cập nhật thông tin thời sự, mở rộng hiểu biết xã hội và đồng thời gắn kết tập thể.

Trong khi đó, hai hình thức được đánh giá thấp là: “GD CTTT thông qua cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, giáo dục quốc phòng, an toàn giao thông, ma túy, mại dâm...” với ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,03 và ĐTB<sub>SV</sub> = 3,99; “Đối thoại với SV, thực hiện quy chế dân chủ của trung tâm” với ĐTB của CBQL, GV và SV lần lượt là 3,96; 4,01. Nguyên nhân có thể do những hình thức này cần nhiều thời gian, sự chuẩn bị công phu, tính hấp dẫn chưa cao hoặc chưa phù hợp với nhu cầu, tâm lý của SV.

Như vậy, có thể thấy hình thức tổ chức công tác GD CTTT cho SV Đại học Huế đã được triển khai đa dạng và thường xuyên, trong đó các hoạt động mang tính trải nghiệm xã hội, nhân đạo được đánh giá cao nhất. Tuy nhiên, để mang lại hiệu quả thực sự trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho SV thì lãnh đạo Đại học Huế cần phải chú trọng vận dụng các hình thức giáo dục sinh

động hơn, cần ứng dụng CNTT trong tổ chức công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV. Để thông qua đó SV có cơ hội tiếp cận các vấn đề về chính trị tư tưởng một cách dễ dàng hơn.

#### 3.4. Thực trạng các lực lượng tham gia công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên Đại học Huế

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV muốn thành công và mang lại hiệu quả cần phải huy động được các lực lượng tham gia và phải được triển khai một cách liên tục và lâu dài. Mỗi lực lượng sẽ có những điểm mạnh trong triển khai công tác GD CTTT cho sinh viên hiện nay. Do vậy, để làm rõ mức độ tham gia của các lực lượng tham gia chúng tôi đã khảo sát ý kiến đánh giá của CBQL, GV và SV, kết quả được thể hiện trong Bảng 4.

**Bảng 4.** Đánh giá của CBQL, GV và SV về các lực lượng tham gia công tác GD CTTT cho SV

| STT                     | Các lực lượng tham gia  | CBQL, GV    |             | SV          |             |
|-------------------------|---|-------------|-------------|-------------|-------------|
|                         |   | $\bar{X}$   | (SD)        | $\bar{X}$   | (SD)        |
| 1                       | Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại Học Huế   | 4,19        | 0,87        | 4,02        | 0,84        |
| 2                       | Ban Giám hiệu của các nhà trường, các khoa, các Trung tâm thuộc Đại Học Huế | 4,18        | 0,86        | 4,25        | 0,81        |
| 3                       | Lãnh đạo các phòng ban chức năng Đại Học Huế                                | 4,03        | 0,98        | 3,90        | 1,07        |
| 4                       | Đội ngũ CBQL SV, GV Đại Học Huế   | 4,24        | 0,81        | 4,15        | 0,88        |
| 5                       | Ban Chấp hành Đoàn thanh niên Đại Học Huế                                   | 3,73        | 0,91        | 3,72        | 1,11        |
| <b>ĐTB và DLC chung</b> |   | <b>4,07</b> | <b>0,87</b> | <b>4,08</b> | <b>0,94</b> |

Ghi chú:  $1 \leq \bar{X} \leq 5$ ;  $\bar{X}$ : (Hệ số trung bình); (SD) (Độ lệch chuẩn); 1. Hoàn toàn không thường xuyên; 2. Không thường xuyên; 3. Tương đối thường xuyên; 4. Thường Xuyên; 5. Rất Thường xuyên

Kết quả khảo sát cho thấy công tác GD CTTT tại Đại học Huế có sự tham gia của nhiều lực lượng khác nhau, thể hiện sự phối hợp đồng bộ giữa lãnh đạo, đội ngũ GV, CBQL và tổ chức đoàn thể. Tuy nhiên, sự tham gia của các lực lượng đều được đánh giá mức *Thường xuyên* với ĐTB chung trong đánh giá của CBQL, GV là 4,07 và của SV 4,08. Kết quả này đã cơ bản phản ánh rõ các mức độ đánh giá khá cao, đồng thời khẳng định mức độ tham gia thường xuyên và vai trò quan trọng của sự phối hợp các lực lượng trong triển khai công tác GD CTTT cho SV Đại học Huế.

Đối với CBQL và GV, lực lượng được đánh giá cao nhất là Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Huế với ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,19, cho thấy sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo cấp cao đóng vai trò then chốt, tạo định hướng và bảo đảm tính thường xuyên, hiệu quả cho hoạt động GD CTTT.

Trong khi đó, SV lại đánh giá cao nhất vai trò của Đội ngũ CBQL SV, GV với  $\overline{DTB}_{SV} = 4,15$ . Đây là lực lượng gần gũi, trực tiếp đồng hành cùng SV trong quá trình học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, vì vậy có tác động mạnh mẽ đến nhận thức, thái độ và hành động của SV. Các lực lượng khác như “Ban Giám hiệu các trường, khoa, trung tâm thuộc Đại học Huế” cũng được CBQL, GV và SV đánh giá cao với  $\overline{DTB}_{CBQL, GV} = 4,18$  và  $\overline{DTB}_{SV} = 4,25$ ; “Lãnh đạo các phòng ban chức năng” ( $\overline{DTB}_{CBQL, GV} = 4,03$  và  $\overline{DTB}_{SV} = 3,90$ ). Với kết quả này phần nào đã thể hiện sự phối hợp khá nhịp nhàng trong các lực lượng khi tham gia vào công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV. Ngược lại lực lượng là “Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Đại học Huế” lại được đánh giá thấp nhất, với  $\overline{DTB}_{CBQL, GV} = 3,73$  và  $\overline{DTB}_{SV} = 3,72$ . Điều đó cho thấy, mặc dù Đoàn Thanh niên đã tổ chức nhiều hoạt động liên quan nhưng hiệu quả, mức độ hấp dẫn và tính lan tỏa còn hạn chế, cần có sự đổi mới mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

Từ kết quả khảo sát tại Bảng 4 phần nào cho thấy về cơ bản trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV đã huy động được các lực lượng tham gia. Mỗi lực lượng có một thế mạnh riêng. Đặc biệt các lực lượng tham gia công tác GD CTTT cho SV Đại học Huế đã phát huy vai trò quan trọng, đặc biệt là sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc và sự đồng hành trực tiếp của đội ngũ CBQL, GV. Tuy nhiên, để mang lại hiệu quả cho công tác này thì cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng để đảm bảo tính thống nhất trong triển khai công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV Đại học Huế.

### 3.5. Thực trạng về những điều kiện hỗ trợ công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên

**Bảng 5.** Đánh giá của CBQL, GV và SV về các điều kiện hỗ trợ công tác GD CTTT cho SV

| STT                     | Các yêu cầu   | CBQL, GV    |             | SV          |             |
|-------------------------|---|-------------|-------------|-------------|-------------|
|                         |   | $\bar{X}$   | (SD)        | $\bar{X}$   | (SD)        |
| 1                       | Hệ thống giảng đường, hội trường phù hợp                                | 3,99        | 0,87        | 3,82        | 0,84        |
| 2                       | Hệ thống thiết bị kỹ thuật, âm thanh, máy chiếu                         | 4,01        | 0,79        | 4,03        | 0,92        |
| 3                       | Thư viện, tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập | 3,97        | 0,90        | 3,85        | 0,81        |
| 4                       | Đội ngũ GV có trình độ cao về lý luận chính trị và thực tiễn            | 4,23        | 0,68        | 4,30        | 0,87        |
| 5                       | Có sự tham gia nhiệt tình của SV  | 4,12        | 0,78        | 4,14        | 0,88        |
| 6                       | Sự quan tâm hỗ trợ từ các cơ quan, nhà trường có SV tham gia học tập    | 4,17        | 0,81        | 4,22        | 0,83        |
| <b>ĐTB và ĐLC chung</b> |   | <b>4,08</b> | <b>0,80</b> | <b>4,06</b> | <b>0,85</b> |

Ghi chú:  $1 \leq \bar{X} \leq 5$ ;  $\bar{X}$ : (Hệ số trung bình); (SD) (Độ lệch chuẩn); 1. Hoàn toàn không phù hợp; 2. Không phù hợp; 3. Tương đối phù hợp; 4. Phù hợp; 5. Rất phù hợp

Nhìn chung, các điều kiện hỗ trợ cho công tác GD CTTT đối với SV Đại học Huế đều được đánh giá ở mức *Phù hợp*, với ĐTB chung của CBQL, GV và SV lần lượt là 4,08 và 4,06. Kết quả này cho thấy để công tác GD CTTT diễn ra hiệu quả cần có sự đảm bảo đồng bộ từ đội ngũ GV, cơ sở vật chất, sự hỗ trợ của nhà trường, các cơ quan liên quan và đặc biệt là sự tham gia tích cực của chính SV.

Trong các điều kiện được khảo sát, điều kiện được đánh giá cao nhất và có mức độ rất phù hợp là “*Đội ngũ GV có trình độ cao về lý luận chính trị và thực tiễn*” với ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,23 và ĐTB<sub>SV</sub> = 4,30. Đây là điều kiện cốt lõi quyết định chất lượng công tác GD CTTT, bởi GV không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn trực tiếp định hướng tư tưởng, rèn luyện lập trường chính trị và khơi gợi hứng thú học tập cho SV.

Điều kiện “*Sự tham gia nhiệt tình của SV*” cũng được CBQL, GV và SV đánh giá cao với ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,12 và ĐTB<sub>SV</sub> = 4,14. Bên cạnh đó nội dung về “*Sự quan tâm hỗ trợ từ các cơ quan, nhà trường*” cũng là một trong các điều kiện quan trọng để triển khai công tác GD CTTT cho sinh viên với ĐTB<sub>CBQL, GV</sub> = 4,17 và ĐTB<sub>SV</sub> = 4,22. Các điều kiện về “*Hệ thống giảng đường, hội trường; thiết bị kỹ thuật, âm thanh, máy chiếu; thư viện, tài liệu, thông tin*” cũng được CBQL, GV và SV đánh giá Phù hợp với ĐTB lần lượt là 3,99; 3,82; 4,01 và 4,03; 3,97; 3,85.

Như vậy, những điều kiện cần thiết cho công tác GD CTTT cho SV Đại học Huế bao gồm nhiều yếu tố gắn kết chặt chẽ với nhau. Trong đó, đội ngũ GV có trình độ cao được xem là yếu tố quyết định, kết hợp cùng sự tham gia tích cực của SV và sự hỗ trợ từ phía nhà trường, các cơ quan liên quan. Đồng thời, việc tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và hệ thống tài liệu sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác GD CTTT cho SV Đại học Huế đã đạt được nhiều kết quả tích cực thể hiện ở vai trò, nội dung, hình thức tổ chức và các lực lượng tham gia. Cụ thể, phần lớn CBQL, GV và SV đều nhận thức rõ tầm quan trọng của GD CTTT trong việc trang bị cho SV những kiến thức cơ bản và cần thiết về lý luận chính trị, tư tưởng, hệ thống kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ mà nhà trường giao phó. Nội dung và chương trình giáo dục đều được đánh giá là triển khai phù hợp và rất phù hợp đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, tập trung vào các chuyên đề liên quan đến chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; những vấn đề cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Cùng với đó, hình thức tổ chức công tác GD CTTT cho SV được nhận xét là tương đối đa dạng, kết hợp giữa học tập trên lớp và các hoạt động ngoại khóa; các hình thức cũng được thực hiện ở tần suất thường xuyên và rất thường xuyên. Các

lực lượng tham gia công tác GD CTTT cho SV cũng đã thể hiện được vai trò tích cực của mình trong việc cùng phối hợp thực hiện để mang lại hiệu quả cao hơn. Một số điều kiện đảm bảo công tác GD CTTT cho SV cũng được thực hiện khá tốt và được đánh giá ở mức độ phù hợp.

Tuy nhiên, cũng cần quan tâm, triển khai hơn đến các yêu cầu về cải thiện hệ thống giảng đường, hội trường; thư viện, tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trong bối cảnh mới. Như vậy có thể thấy, kết quả khảo sát này cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn quan trọng, góp phần làm rõ thực trạng GD CTTT cho SV Đại học Huế, đồng thời là cơ sở để các nhà trường trong Đại học Huế có thể đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác GD CTTT trong thời gian tới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2018). *Nghị quyết số 35-NQ/TW về việc tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Công văn số 4654/BGDĐT-GDCTHSSV ban hành ngày 23/8/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên năm học 2024-2025*.
3. Chu Mạnh Cường (2009). *Các biện pháp quản lý nhằm tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức cho sinh viên Trường Cao Đẳng kinh tế Thái Nguyên*. Luận văn Thạc sĩ Quản lý Giáo dục.
4. Nguyễn Ngọc Diệp (2025). *Nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên: góc nhìn từ vai trò của nhà trường và xã hội*. *Tạp chí Quản lý nhà nước*.
5. Nguyễn Tuấn Dũng (2011). *Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị trong quân đội thời kỳ mới*. *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập 2*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
8. Phạm Đình Khuê (2024). *Nâng cao ý thức chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay*. *Tạp chí điện tử – Lý luận chính trị*.
9. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 311/QĐ- TTg ngày 5/3/2022 Phê duyệt chương trình “giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022-2030*.

10. An Thị Ngọc Trinh (2024). Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên – góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Thanh niên Việt*, 22-10-2024.